TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2022
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. bà Trần Thị Đổi;

2. bà Lê Thị Xuân Đào. .

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: bà Phạm Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Mai Thị Thanh T, sinh năm 1977

Địa chỉ: khu vực 4, thị trấn Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

2. Bị đơn: ông Huỳnh Cao S, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp 3B, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

(bà Tcó mặt, ông S vắng mặt – đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2021 và những lời khai tiếp theo của bà Mai Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà và ông Huỳnh Cao S có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông S hay đi uống rượu rồi về nhà hành hung bà T nên bà và ông S ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Huỳnh Cao S.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Nhựt A, sinh ngày 17/02/2006. Khi ly hôn bà T xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Huỳnh Cao S trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa như sau: ông xác nhận về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, về con chung và nợ chung đúng như lời trình của bà T. Ông S cho rằng cuộc sống hôn nhân của vợ chồng vẫn hạnh phúc, không có phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng nhưng do bà T kiên quyết xin ly hôn nên ông đồng ý ly hôn với bà T. Khi ly hôn, con chung có nguyện vọng sống với cha hoặc mẹ thì người đó nuôi dưỡng, ông không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông S cho rằng tài sản chung của vợ chồng có một diện tích đất ngang 5m x dài 42m tọa lạc tại thị trấn Đức Hòa do bà Mai Thị Thanh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang giữ giấy đất. Khi ly hôn ông S yêu cầu chia đôi tài sản này.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản trình bày của con chung Huỳnh Nhựt A là có nguyện vọng sống với bà T khi bà T và ông S ly hôn với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: tại phiên tòa, bà T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông S, ông S đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông S theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Nhựt A, sinh ngày 17/02/2006. Khi bà T và ông S ly hôn, con chung có nguyện vọng sống với bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Nhựt A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, do bà

T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: do ông S không cung cấp được thông tin về tài sản chung cũng như không có đơn yêu cầu chia tài sản chung đối với bà T khi ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do bị đơn vắng mặt, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* là những tranh chấp quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Huỳnh Cao S có hộ khẩu thường trú tại ấp 3B, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Mai Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Huỳnh Cao S nên bà Mai Thị Thanh T được xác định là nguyên đơn, ông Huỳnh Cao S là bị đơn.

Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu.

Tòa án chỉ xét xử vụ án trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

1.3]. Về xét xử vắng mặt: ông Huỳnh Cao S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[1.4]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà Mai Thị Thanh T và ông Huỳnh Cao S đều xác định bà T và ông S kết hôn vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên hôn nhân giữa bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa bà T và ông S trên cơ sở tự nguyện, bà Tcho rằng cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn nên cả hai đã ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay. Tại phiên tòa, bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông S. Riêng ông S cho rằng cuộc sống hôn nhân của ông và bà T vẫn hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng nhưng do bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn nên ông đồng ý ly hôn với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà T và ông S xác định có 01 con chung là Huỳnh Nhựt A, sinh ngày 17/02/2006. Khi ly hôn, con chung Nhựt A có nguyện vọng sống với bà T nên giao con chung Nhựt A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà T trình bày không có nhưng ông Huỳnh Cao S cho rằng tài sản chung có diện tích đất ngang 5m x dài 42m do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung này. Tòa án có ấn định thời gian cho ông S làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và cung cấp thông tin về tài sản chung nhưng ông S không cung cấp cũng như không có nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung với bà T khi ly hôn, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông S.

Trường hợp sau này, các bên có tranh chấp về chia tài sản chung thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: bà T và ông S thống nhất xác định nợ chung không có nên không đề cập xem xét.

[3]. Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về án phí: bà Mai Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T đối với ông Huỳnh Cao S về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung".

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Mai Thị Thanh T được ly hôn với ông Huỳnh cao S.

2. Về con chung: bà Mai Thị Thanh T được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Nhựt A, sinh ngày 17/02/2006 (Bà T đang nuôi dưỡng), ông Huỳnh Cao S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: Bà Mai Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009511 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Bà T không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Uỷ ban nhân dân xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Bình An